

Số: 213/2020/QĐST-HNGĐ

Gia Lâm, ngày 01 tháng 7 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 223/2020/TLST–HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2020, về việc: Xin ly hôn, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Lê Đức B, sinh năm 1987;

HKTT: Thôn B, xã K, huyện G, thành phố Hà Nội.

Nơi cư trú: Thôn M, xã T, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh.

Bị đơn: Chị Chu Thị N, sinh năm 1990;

HKTT và nơi cư trú: Thôn B, xã K, huyện G, thành phố Hà Nội.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án kèm theo;

- Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 6 năm 2020;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 6 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Lê Đức B và chị Chu Thị N.
2. Công nhận sự thoả thuận của anh Lê Đức B và chị Chu Thị N, cụ thể như sau:

2.1. Về con chung:

Anh B và chị N xác nhận anh và chị có 02 con chung là cháu Lê Công M, sinh ngày 20/12/2009 và cháu Lê Hoàng Hải Đ, sinh ngày 23/01/2019.

Giao cả hai con chung là cháu M và cháu Đ cho chị N là mẹ được trực tiếp nuôi dưỡng kể từ thời điểm vợ chồng ly hôn đến khi cháu M và cháu Đ trưởng thành, đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác về nuôi con chung theo quy định của pháp luật. Anh B tự nguyện đóng góp 1.000.000 (Một triệu) đồng mỗi tháng tiền cấp dưỡng nuôi con đến khi cháu M và cháu Đ trưởng thành, đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Anh Lê Đức B có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

2.2. Về quan hệ tài sản chung vợ chồng: Anh B và chị N tự thỏa thuận, anh B và chị N không yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết nên không xét.

2.4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ghi nhận sự tự nguyện của anh B chịu cả 150.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà anh B đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2010/0005307 ngày 23/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- UBND xã K, huyện G theo Giấy chứng nhận kết hôn số 11 quyền số 01/2019 ngày 26/02/2009);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Tạ Thị Ngân